

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 674/2018/HC-PT

Ngày: 19/12/2018

V/v: *Khiếu kiện quản lý về đất đai.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Z, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 276/2018/HC-TLPT ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc khiếu kiện “Quản lý về đất đai”, do có kháng cáo của ông Nông Văn C và Lý Thị N đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8178/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lý Thị N, sinh năm 1956; ông Nông Văn C, sinh năm 1950. Cùng địa chỉ: Tổ 22, phường Đ, thành phố B, tỉnh Z; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Z (Văn bản ủy quyền số 3639 ngày 15 tháng 11 năm 2017); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Đức X - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (Văn bản ủy quyền số 272/GUQ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2003, UBND thị xã Y xây dựng công trình khu tái định cư II Nà Cáp; trong đó có thu hồi thửa đất số 100, tờ bản đồ số 9, diện tích 316m² đất của gia đình ông Nông Văn C và bà Lý Thị N tại phường H, thành phố B.

Ngày 16/7/2004, UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số 1563/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp đường QL3, đoạn tuyến đường tránh thị xã Y. Hộ gia đình ông C, bà N được bồi thường, hỗ trợ tiền và cấp 01 lô đất tái định cư. Theo ông C thì diện tích 316m² do gia đình ông C mua của ông Nông Tiến D từ năm 1987 có diện tích mỗi chiều là 15m. Năm 2000, gia đình ông C được UBND tỉnh Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141/GSĐĐ/265.QĐ-NĐ-UB-T đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 9, diện tích 316m² trong đó có 100m² là đất ở còn lại 216m² là đất vườn. Sau khi thu hồi đất thì năm 2005, gia đình ông C được cấp 01 lô đất tái định cư; gia đình ông C đã có đơn đến UBND thị xã Y (nay là UBND thành phố B) đề nghị cấp thêm 01 lô đất tái định cư vì diện tích 216m² đất vườn, gia đình ông C đã bỏ tiền đầu tư và công sức để san gạt thành mặt bằng cùng với thửa đất ở nên phải cấp thêm 01 lô đất tái định cư.

Ngày 24/11/2016, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2148/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nông Văn C, nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Nông Văn C và bà Lý Thị N đề nghị cấp thêm 01 lô đất tái định cư.

Không nhất trí với Quyết định số 2148/QĐ-UBND; ngày 09/12/2016, ông C tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Z.

Ngày 21/8/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số 1297/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nông Văn C, nội dung: Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2017, ông Nông Văn C và bà Lý Thị N có đơn khởi kiện, ngày 10/10/2017 có đơn khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân tỉnh Z yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z về việc giải quyết khiếu nại của ông Nông Văn C (vợ là bà Lý Thị N).

- Đề nghị UBND tỉnh Z có phương án giải quyết cấp thêm cho gia đình 01 lô đất theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định:

Căn cứ vào Điều 30; khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 204 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ Điều 7; Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 và Điều 42 Luật khiếu nại năm 2011. Căn cứ

khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nông Văn C và bà Lý Thị N về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z về việc giải quyết khiếu nại của ông Nông Văn C (vợ là bà Lý Thị N).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và án phí hành chính sơ thẩm đối với các đương sự.

Ngày 08/8/2018, ông Nông Văn C và bà Lý Thị N có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Ngày 10/8/2018, ông Nông Văn C và bà Lý Thị N có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nông Văn C và bà Lý Thị N đề nghị Hội đồng xét xử huỷ một phần Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z liên quan đến hộ gia đình ông C; đề nghị cấp thêm 01 lô đất tái định cư.

Theo UBND tỉnh Z: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông C thì diện tích đất 316m² trong đó có 100m² là đất ở còn lại 216m² là đất vườn. Theo Quyết định số 1563/QĐ-UB ngày 16/7/2004 của UBND tỉnh Z thì hộ gia đình ông C được cấp 01 lô đất tái định cư, yêu cầu của ông C đề nghị cấp thêm 01 lô đất tái định cư là không có căn cứ chấp nhận; Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C và bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z đã ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung theo quy định của pháp luật; ông C và bà N đề nghị UBND tỉnh Z cấp thêm 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn C và bà Lý Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 21/8/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số 1297/QĐ-UBND; ngày 17/9/2017, ông Nông Văn C và bà Lý Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Z hủy Quyết định số 1297/QĐ-UBND, Tòa án nhân dân tỉnh Z thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành Quyết định số 1297/QĐ-UBND: Thực hiện theo Quyết định số 1563/QĐ-UB ngày 16/7/2004 của UBND tỉnh Z; năm 2004, gia đình ông C và bà N bị thu hồi đất để thực hiện khu tái định cư II Nà Cáp, phường H, thị xã Y (nay là thành phố B). Không đồng ý việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư ông C, bà N khiếu nại đến UBND thành phố B. Ngày 24/11/2016, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2148/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại. Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại, nên ông C, bà N đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Z. Ngày 21/8/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Z ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1297/QĐ-UBND, có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2148/QĐ-UBND. Như vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố; lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Z được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 204 Luật đất đai năm 2013 và các quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Về nội dung: Xét nội dung của Quyết định số 1297/QĐ-UBND:

[2.2.1]. Theo ông C, bà N gia đình ông bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nông Tiến D từ năm 1987; ngày 27/3/2000, UBND tỉnh Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141/GSDĐ/265.QĐ-NĐ-UB-T đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 9, diện tích 316m² (trong đó có 100m² đất ở và 216m² đất vườn). Ông C, bà N cho rằng đối với 216m² đất vườn, gia đình đã bỏ tiền đầu tư và công sức để san gạt thành mặt bằng cùng với thửa đất ở, sử dụng làm nhà ở và trồng rau; do vậy, khi thu hồi toàn bộ diện tích 316m² đất thì phải cấp thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình.

[2.2.2]. Theo Quyết định số 1563/QĐ-UB ngày 16 tháng 7 năm 2004 của UBND tỉnh Z, quy định: “Các trường hợp bị thu hồi đất phải tháo dỡ nhà ở được cấp tái định cư 01 lô đất ở theo quy hoạch; diện tích còn lại ngoài diện tích nhà hiện trạng, cứ 200m² đất thổ cư được cấp thêm 01 lô theo quy hoạch”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật đất đai năm 2003 về xác định diện tích đất ở trong trường hợp có vườn, ao như sau: “*Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử*

dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này mà trong giấy tờ đồ ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất có vườn, ao được xác định theo giấy tờ đồ”. Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng thị xã Y xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141/GSDĐ/256.NĐ-NĐ-UB-T ngày 27/3/2000 hộ gia đình ông C có 100m² đất ở còn lại 216m² là đất vườn; đã quyết định giao cho gia đình ông C 01 lô đất tái định cư (lô số 154) là đúng quy định. Ông C cho rằng diện tích đất 216m² đất vườn được sử dụng làm đất ở, nên khi thu hồi thì phải cấp thêm 01 lô đất ở là không có căn cứ. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh Z đã giải quyết khiếu nại: Không chấp nhận đề nghị cấp thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông C, bà N là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu huỷ Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Z và yêu cầu cấp thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông C, bà N; Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông C, bà N là đúng.

[2.2.3]. Tại đơn khởi kiện, ông C, bà N có nêu lên việc chính quyền xác định loại đất và giá đền bù đất là không phù hợp, chưa thỏa đáng. Tuy nhiên, ông C và bà N không yêu cầu Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét lại đối với việc xác định loại đất và vị trí đất cũng như giá đền bù đất, mà chỉ yêu cầu UBND tỉnh Z xem xét cấp thêm 01 lô đất tái định cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa bản án hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Ông Nông Văn C (vợ Lý Thị N) không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn C và bà Lý Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

Về án phí: Ông Nông Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AB/2012/00856 ngày 13/8/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Z.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

C.c thêm ph.n

Thêm ph.n - chủ tọa phiên tòa

Lương Đức Chính

Phan Thị Vân Hương

Lê Thị Thúy Bình